

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 496/2022/DS-ST

Ngày: 27-12-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Ông Trương Hoàng Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 286/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Hồng L**, sinh năm 1963; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng L trình bày:*

Do quen biết, bà có cho chị Nguyễn Thị T (tên thường gọi là T1), mượn tiền 2 lần, cụ thể:

+ Ngày 04/4/2020, chị T mượn số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, chị T có viết giấy mượn tiền cam kết đúng 12 tháng sẽ trả lại tiền cho bà.

+ Ngày 25/10/2020, chị T mượn số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, chị T có viết giấy mượn tiền cam kết 12 tháng trả lại tiền vốn cho bà.

Tổng cộng, chị T đã mượn của bà 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 01/2022 đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu chị T trả lại tiền cho bà nhưng chị T cứ hẹn mà không thực hiện.

Nay bà yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị T trả bà số tiền mượn 140.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả 1 lần khi án có hiệu lực.

*- Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập hợp lệ những lần hòa giải và xét xử nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ do vay và bị đơn đang cư trú tại ấp B, xã S, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà L cho rằng chị T có vay tiền của bà số tiền 140.000.000 đồng và chị T có viết biên nhận ngày 04/4/2020 và 25/10/2020, thời hạn vay là 12 tháng, không thỏa thuận trả lãi. Từ tháng 01/2022, bà L nhiều lần yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T không trả. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền 140.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Về tư cách khởi kiện: Tại các biên nhận nợ mà bà L cung cấp thể hiện nội dung chị T mượn “Cô 2 T2” ngụ ấp B xã S. Bà L trình bày do bà là vợ ông Võ Văn T2 nên ở địa phương tên thường gọi là Cô 2 T2. Lời trình bày của bà L phù hợp đơn xin xác nhận ngày 11/5/2022 có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, bà L được quyền khởi kiện theo Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Về số tiền nợ: Theo biên nhận ngày 04/4/2020 thể hiện Nguyễn Thị T mượn bà L (Cô 2 T2) 100.000.000 đồng và biên nhận ngày 25/10/2020 thể hiện chị T mượn bà L 40.000.000 đồng. Theo bà L trình bày biên nhận do chị T viết và ký tên. Biên nhận không ghi thời hạn trả nhưng có thỏa thuận miệng 12 tháng chị T sẽ trả lại. Tháng 01/2022 bà có liên hệ chị T trả tiền nhưng chị T cố tình không trả điều đó thể hiện chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 280, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Xét thấy các biên nhận bà L

cung cấp có chữ ký và chữ viết của chị T, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập chị T nhiều lần nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt tại phiên tòa, thể hiện chị T từ bỏ quyền lợi của mình. Chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại quyền lợi cho nguyên đơn là bà L nên bà L yêu cầu chị T trả lại số tiền 140.000.000 đồng theo các biên nhận đã ký kết là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4.3] Lãi: Bà L không yêu cầu chị T trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T có nghĩa vụ trả bà L 140.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên chị T phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng L.

- Buộc chị Nguyễn Thị T trả cho bà Võ Thị Hồng L số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại bà Võ Thị Hồng L 3.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025069 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### *Nơi nhận:*

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Tuyền**